

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 1907/LTMN-TCKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 30/06/2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP

- Mã chứng khoán: VSF

- Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ/Tel: (84-28)3.8370025 - 3.8370026

- Fax: (84-28)3.8365898 - 3.8365899

- Email: vanphong@vsfc.com.vn Website: www.vinafood2.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 30/06/2026:

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: .../.../2026 tại đường dẫn: https://vinafood2.com.vn/featured_item/quan-he-co-dong/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC

- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hiễn

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 1908 /LTMN-TCKT
V/v Giải trình lợi nhuận sau thuế
tại báo cáo tài chính Riêng
06 tháng năm 2026 đã được soát

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính Riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 30/06/2026.

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2026 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2025 như sau:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	06 tháng 2026	06 tháng 2025
Doanh thu thuần	5.037.330.253.762	6.095.656.438.499
Lợi nhuận sau thuế	3.941.409.180	2.649.224.597

Nguyên nhân: do cùng kỳ năm 2026, Tổng công ty đã nhận định và kịp thời nắm bắt cơ hội kinh doanh; kết hợp quản trị, cơ cấu vốn vay phù hợp, kiểm soát tốt chi phí, doanh thu nên lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2026 đạt 3.941.409.180 đồng.

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần xin giải trình nguyên nhân nêu trên đề Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Văn Hiển

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 đã được soát xét.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “ Tổng Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 08/6/2026 về việc bổ sung người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 08/6/2026 là: 5.000.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với Mã chứng khoán VSF.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã điều hành trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Huy Hưng	Chủ tịch
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Phó Chủ tịch
Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/01/2026)
Ông Nguyễn Văn Hiến	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Trưởng ban
Ông Đào Trọng Hải	Thành viên
Bà Mẫn Thị Nga	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hiến	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/4/2026)
	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Bổ nhiệm ngày 07/01/2026, Miễn nhiệm ngày 28/4/2026)
Ông Bạch Ngọc Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Hiên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Số: 217/2026/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần được lập ngày 30/7/2026, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 - Phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó mô tả các vấn đề như sau:

Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa nhận được quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hoá tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần vào ngày 09 tháng 10 năm 2018 từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, Tổng Công ty đã tạm thời ghi nhận các nội dung và điều chỉnh số liệu tài sản, nợ phải trả và vốn Công ty Cổ phần tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 03/3/2017, Báo cáo về việc thực hiện điều chỉnh giá trị doanh nghiệp hoàn thiện phương án cổ phần hóa ngày 27/3/2017, Thông báo kết luận của Trường ban chỉ đạo cổ phần hóa ngày 31/3/2017, Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tại ngày lập Báo cáo này, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Công ty mẹ Tổng Công ty Lương thực Miền Nam gửi kèm theo Công văn số 32/KTTN-TH ngày 08/3/2023. Tổng Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn Nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Tổng Công ty. Các điều chỉnh có liên quan, nếu có, sẽ được Tổng Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.12 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, một số tài sản là quyền sử dụng đất và nhà cửa được Tổng Công ty hạch toán trên cơ sở tạm tính căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) chưa thống nhất với phương án sử dụng đất của Tổng Công ty. Việc hạch toán và giá trị hạch toán của các tài sản này có thể thay đổi tùy theo phê duyệt quyết toán cổ phần hóa cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.6 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó trình bày Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý theo Báo cáo kết quả kiểm kê đột xuất tại Công ty Lương thực Trà Vinh, một Chi nhánh của Tổng Công ty vào ngày 22/11/2017 của Tổ kiểm kê đột xuất thành lập theo Quyết định số 145/QĐ-TCT ngày 27/10/2017 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Tài sản thiếu này đã được Tổng Công ty trích lập dự phòng tổn thất toàn bộ (Thuyết minh số 5.5). Ngày 06/01/2023, Chi cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thi hành án số 1456/QĐ-CTHADS Quyết định thi hành án theo yêu cầu liên quan tội tham ô tài sản và cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng phải bồi thường cho Công ty Lương thực Trà Vinh 132,9 tỷ đồng, người thi hành án có trách nhiệm tự nguyện thi hành án trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ Quyết định này.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
 phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+160)	100		2.733.207.494.313	2.545.810.279.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	573.824.178.897	1.073.935.637.739
1. Tiền	111		573.824.178.897	297.935.637.739
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	776.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		496.367.002.210	268.749.091.896
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	580.476.645.967	352.688.570.024
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	358.192.635.691	361.025.456.573
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	218.358.404.607	216.121.150.261
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.5	(1.309.539.269.867)	(1.309.964.670.774)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	137	5.6	648.878.585.812	648.878.585.812
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	1.427.801.358.520	972.985.442.030
1. Hàng tồn kho	141		1.429.771.216.088	976.171.686.180
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.969.857.568)	(3.186.244.150)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		235.214.954.686	230.140.108.017
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	12.644.927.892	10.692.083.028
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		216.414.021.919	211.450.331.862
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.17	6.156.004.875	7.997.693.127
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		2.287.706.855.913	3.014.251.672.602
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.295.000.000	676.924.698.874
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	-	675.629.698.874
2. Phải thu dài hạn khác	215	5.4	1.295.000.000	1.295.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.394.299.843.956	1.437.530.247.796
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.254.713.434.484	1.296.348.737.658
- Nguyên giá	222		4.322.801.781.599	4.318.915.360.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.068.088.347.115)	(3.022.566.622.478)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	139.586.409.472	141.181.510.138
- Nguyên giá	228		185.373.784.228	186.772.851.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.787.374.756)	(45.591.341.347)
IV. Bất động sản đầu tư	240	5.11	18.957.318.742	19.149.733.822
1. Nguyên giá	241		31.302.629.053	31.302.629.053
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.345.310.311)	(12.152.895.231)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		7.957.235.441	10.437.992.754
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.13	7.957.235.441	10.437.992.754
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.14	727.449.442.727	727.449.442.727
1. Đầu tư vào công ty con	261		948.495.140.276	948.495.140.276
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		128.076.362.236	128.076.362.236
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		104.494.843.499	104.494.843.499
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(453.616.903.284)	(453.616.903.284)
VII. Tài sản dài hạn khác	270		137.748.015.047	142.759.556.629
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	137.748.015.047	142.759.556.629
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		5.020.914.350.226	5.560.061.952.284

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.421.178.798.007	2.964.267.809.245
I. Nợ ngắn hạn	310		2.408.815.963.598	2.276.053.351.331
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	83.085.689.671	43.468.939.377
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	216.771.716.149	108.608.284.671
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.17	19.021.547.255	1.818.920.253
4. Phải trả người lao động	315		6.159.230.710	23.799.973.402
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.18	73.692.709.892	17.505.538.127
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	5.19	12.060.900.797	12.051.309.888
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.20	84.375.134.505	83.258.610.563
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.21	1.913.050.195.060	1.973.557.646.496
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	11.235.288.995
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		598.839.559	748.839.559
II. Nợ dài hạn	330		12.362.834.409	688.214.457.914
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	5.19	5.525.434.409	5.026.479.040
2. Phải trả dài hạn khác	338	5.20	6.837.400.000	683.187.978.874
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.22	2.599.735.552.219	2.595.794.143.039
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		231.825.797.290	231.825.797.290
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.632.090.245.071)	(2.636.031.654.251)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(2.636.031.654.251)	(2.641.548.688.028)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		3.941.409.180	5.517.033.777
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.020.914.350.226	5.560.061.952.284
(440 = 300+400)				

Người lập biểu

Nguyễn Lê Bảo Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Vương Quốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiến

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.043.884.605.762	6.099.397.676.046
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	6.554.352.000	3.741.237.547
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	5.037.330.253.762	6.095.656.438.499
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.723.979.584.195	5.558.920.065.215
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		313.350.669.567	536.736.373.284
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	59.415.150.042	62.664.913.657
7. Chi phí tài chính	23	6.4	56.192.276.548	108.892.678.272
Trong đó: Chi phí đi vay	24		51.252.728.480	46.681.124.797
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	187.087.397.574	359.509.606.694
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	126.398.932.588	130.224.746.386
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		3.087.212.899	774.255.589
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.685.878.182	3.308.949.152
12. Chi phí khác	32	6.6	1.831.681.901	1.433.980.144
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		854.196.281	1.874.969.008
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.941.409.180	2.649.224.597
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.941.409.180	2.649.224.597

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lê Bảo Anh

Nguyễn Vương Quốc



Nguyễn Văn Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.941.409.180	2.649.224.597
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		50.577.464.279	49.922.461.807
- Các khoản dự phòng	03		(1.641.787.489)	(11.224.834.944)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.216.611.282)	17.904.819.456
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(44.093.320.486)	(31.196.667.119)
- Chi phí đi vay	06		51.252.728.480	46.681.124.797
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.819.882.682	74.736.128.594
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		445.168.563.354	(406.367.129.982)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(450.375.257.827)	(155.135.096.153)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(482.581.559.802)	40.922.707.848
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		3.058.696.718	(4.135.188.569)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(51.252.728.480)	(45.438.566.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(478.162.403.355)	(495.417.144.994)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.673.888.046)	(18.273.144.098)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	112.272.727
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.093.320.486	29.223.217.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		39.419.432.440	11.062.345.800
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.369.449.456.124	4.290.574.260.997
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.429.956.907.560)	(3.428.816.815.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(60.507.451.436)	861.757.445.167
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(499.250.422.351)	377.402.645.973
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.073.935.637.739	120.678.088.850
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(861.036.491)	132.395.076
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	573.824.178.897	498.213.129.899

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Lê Bảo Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Vương Quốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiến



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 08/6/2026 về việc bổ sung người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 08/6/2026 là: 5.000.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với Mã chứng khoán VSF.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh nông sản, thương mại, dịch vụ, du lịch;
- Sản xuất, mua bán thức ăn chăn nuôi. Nuôi, chế biến thủy hải sản;
- Sản xuất và mua bán bao bì (trừ tái phế thải tại cơ sở);
- Khai thác, mua bán nước uống tinh khiết, nước khoáng;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Dịch vụ quảng cáo và tổ chức sự kiện;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (hoặc quán ăn uống bình dân);
- Mua bán phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh nước đá tinh khiết;
- Mua bán, bảo dưỡng, bảo trì: xe ô tô, xe máy;
- Bán lẻ thực phẩm chế biến, thực phẩm khô, đồ hộp, các loại nước giải khát có gas, sữa và các sản phẩm từ sữa, thủy sản, rau, hoa quả tươi, thịt và các sản phẩm từ thịt, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, vải, quần áo may sẵn, giày, dép, bóp, túi xách, hàng da, mỹ phẩm, hàng mỹ nghệ, đồ điện gia dụng, đồ gia dụng nội thất, giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng cá nhân và gia đình, đồ trang sức, đồng hồ, Văn phòng phẩm, thiết bị ngành ảnh, thiết bị thu hình - thu thanh, đồ kim khí, điện máy, thiết bị văn phòng, máy tính và linh kiện điện tử.

Hoạt động chính của Tổng Công ty: Là bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh).

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Hoạt động trọng yếu nhất của Tổng Công ty là thu mua lúa, xay xát và bán gạo. Hoạt động này chịu ảnh hưởng của mùa vụ, trong đó nguồn gạo của 06 tháng đầu năm phụ thuộc vào vụ lúa đông xuân và nguồn gạo của 6 tháng cuối năm phụ thuộc vào vụ lúa hè thu. Tỷ lệ 65% lượng lúa của Tổng Công ty được mua từ vụ đông xuân, do đó hàng tồn kho của Tổng Công ty tại thời điểm 30/6 thông thường cao hơn tại thời điểm 31/12. Các hoạt động khác của Tổng Công ty không chịu ảnh hưởng của mùa vụ.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Con				
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, chế biến lương thực, dịch vụ xuất nhập khẩu	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	Lâm Đồng	Sản xuất, chế biến lương thực, dịch vụ xuất nhập khẩu	66,27%	66,27%
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, chế biến thực phẩm, kinh doanh thương mại	51,30%	51,30%
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Cà Mau	Kinh doanh nông sản, thực phẩm	62,05%	62,05%
Công ty Cổ phần Tô Châu	Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh bia, cồn, rượu và nước giải khát	65,40%	65,40%
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Gia Lai	Sản xuất, chế biến lương thực	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Tây Ninh	Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực, thương mại	59,78%	59,78%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	An Giang	Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực, thương mại	83,31%	83,31%
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	TP. Cần Thơ	Đã phá sản theo QĐ 01/2020/QĐPS-TA ngày 22/9/2020 của TAND tỉnh Hậu Giang	53,28%	53,28%
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mì ăn liền truyền thống và các mặt hàng gia vị	30,72%	30,72%
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	Vĩnh Long	Chế biến lương thực xuất khẩu	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Lương thực Cambodia - Việt Nam	Campuchia	Sản xuất, thu mua, vận chuyển, chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực, thực phẩm	37,00%	37,00%

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**Các Chi nhánh phụ thuộc:**

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ
Công ty Lương thực Bến Tre	Số 199D2, khu phố 4, Phường Bến Tre, Vĩnh Long
Công ty Lương thực Sóc Trăng	Số 76 Lê Duẩn, Khóm 1, Phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ
Công ty Lương thực Thực Phẩm An Giang	Số 06 Nguyễn Du, Phường Long Xuyên, An Giang
Công ty Lương thực Trà Vinh	Số 102, Trần Phú, Phường Trà Vinh, Vĩnh Long
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Số 531, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Ngãi, Đồng Tháp
Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần - Công ty Bột mì Bình Đông	277A Bến Bình Đông, Phường Phú Định, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Lương thực Sông Hậu	Lô 18 Khu công nghiệp Trà Nóc I, Phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Ấp Vĩnh Yên, Phường Long Đức, Vĩnh Long
Công ty Lương thực Long An	10 Cử Luyện, Phường Long An, Tây Ninh
Công ty Lương thực Bạc Liêu	Số 166, đường Võ Thị Sáu, Phường Bạc Liêu, Cà Mau
Công ty Lương thực Vĩnh Long	Số 09, đường Tỉnh lộ 901, ấp Hồi Thạnh, Xã Hòa Bình, Vĩnh Long
Công ty Nông sản Thực Phẩm Tiền Giang	Ấp Bình, Xã An Hữu, Đồng Tháp
Công ty Lương thực Tiền Giang	Số 256, Khu phố 2, Phường Trung An, Đồng Tháp
Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt	Khu vực Thới Hòa 1, Phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

1.5 Số lượng lao động của Tổng công ty đến thời điểm giữa niên độ

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026 là 994 người (Tại ngày 31/12/2025 là 1.247 người).

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Tổng Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, không bao gồm số liệu của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 09/10/2018. Tuy nhiên, tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa có quyết định của các cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa và biên bản bàn giao sang Công ty cổ phần. Tổng Công ty đang thực hiện phản ánh, ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

Theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 03/3/2017, báo cáo về thực hiện điều chỉnh giá trị doanh nghiệp hoàn thiện phương án cổ phần hóa ngày 27/3/2017, thông báo kết luận của Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa ngày 31/3/2017, quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, Văn phòng Tổng Công ty đã tạm thời ghi nhận các nội dung và điều chỉnh số liệu tài sản, nợ phải trả và vốn Tổng Công ty Cổ phần tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Tại ngày lập Báo cáo này, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Công ty mẹ Tổng Công ty Lương thực miền Nam gửi kèm theo Công văn số 32/KTN-TH ngày 08/3/2023. Tổng Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Tổng Công ty. Các điều chỉnh có liên quan, nếu có, sẽ được Tổng Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2026 là 2.632.090.245.071 VND, dẫn đến vốn chủ sở hữu giảm 2.632.090.245.071 VND. Hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc nhiều vào vốn vay các tổ chức tín dụng nhưng vẫn đảm bảo tốt khả năng cân đối thanh toán các khoản nợ đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh cũng như khả năng thu hồi các tài sản để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Tổng Công ty tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi;

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm giá gốc tại thời điểm mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Tổng Công ty.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được ghi giảm và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý, nhượng bán đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất từ 20 năm đến 50 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 08 năm

Tài sản khác

Tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá và khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 04 năm đến 50 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc

20 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng liên quan đến chi phí san lấp cho các khu đất thuê được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê đất từ 45 năm đến 50 năm.

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 40 năm đến 50 năm.

Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác

Chi phí khác bao gồm các loại chi phí chờ phân bổ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả này là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ gồm: Doanh thu nhận trước (như: Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá; doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đối với doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; Không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Tiếp theo)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Tổng Công ty: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Tổng Công ty của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Tổng Công ty: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất của sản phẩm và giá vốn dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng và các đơn vị trực thuộc được thực hiện và kê khai tập trung tại Tổng Công ty. Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	8.918.701.274	7.089.584.738
Tiền gửi không kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP	564.900.063.123	290.846.053.001
Tiền đang chuyển	5.414.500	-
Tương đương tiền (*)	-	776.000.000.000
Cộng	573.824.178.897	1.073.935.637.739

(*): Các khoản tương đương tiền chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Lãi suất các khoản tiền gửi được quy định cụ thể cho từng hợp đồng tiền gửi

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,

phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	580.476.645.967	(191.173.343.937)	352.688.570.024	(191.238.067.444)
Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam	23.684.831.200	-	27.535.959.360	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Võ Thị Thu Hà	58.768.539.483	(58.768.539.483)	58.768.539.483	(58.768.539.483)
OLAM GLOBAL AGRI PTE LTD	-	-	34.668.761.559	-
Louis Dreyfus Company Asia Pte.ltd	63.197.324.554	-	-	-
Dilai Trading Co Pte. Ltd	55.348.853.040	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực Phẩm	83.586.566.110	-	-	-
Các đối tượng khác	295.890.531.580	(132.404.804.454)	231.715.309.622	(132.469.527.961)
Dài hạn	-	-	675.629.698.874	-
Phải thu liên quan đến hàng viện trợ Cu Ba do Chính phủ Việt Nam hỗ trợ (*)	-	-	675.629.698.874	-
Cộng	580.476.645.967	(191.173.343.937)	1.028.318.268.898	(191.238.067.444)
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	172.275.577.634	(67.475.522.079)	77.103.560.479	(67.475.522.079)

(*): Trong kỳ, Tổng công ty đã thực hiện xóa nợ theo Văn bản số 5934/BTC-QLN ngày 11/5/2026 của Bộ Tài chính về việc xử lý khoản công nợ tồn đọng của Hợp đồng bàn giao cho Cuba giai đoạn 1993-1996 với nội dung: “.....theo Hiệp định xóa nợ thì giá trị khoản công nợ của đối tác CuBa với Vinafood 2 trong các hợp đồng xuất khẩu gạo được ký kết đã được Chính phủ Việt Nam đồng ý xóa toàn bộ công nợ. Bộ Tài chính thông báo để Vinafood 2 được biết và triển khai Hiệp định”.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,

phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	358.192.635.691	(326.331.351.261)	361.025.456.573	(326.692.028.661)
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	73.226.957.750	(63.726.957.750)	73.226.957.750	(63.726.957.750)
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Võ Thị Thu Hà	87.991.938.232	(80.816.416.732)	87.991.938.232	(80.816.416.732)
Công ty TNHH MTV Hòa Tân Lộc	78.629.955.300	(77.547.337.612)	78.629.955.300	(77.547.337.612)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thịnh phát Kon Tum	75.320.759.913	(75.320.759.913)	75.681.437.313	(75.681.437.313)
Công ty TNHH Đầu tư Bình Lợi	12.709.500.000	(12.709.500.000)	12.709.500.000	(12.709.500.000)
Công ty TNHH Phương Huệ	5.798.795.653	(5.798.795.653)	5.798.795.653	(5.798.795.653)
Công ty Honda Việt Nam	13.071.894.801	-	13.071.894.801	-
Các đối tượng khác	11.442.834.042	(10.411.583.601)	13.914.977.524	(10.411.583.601)
Cộng	358.192.635.691	(326.331.351.261)	361.025.456.573	(326.692.028.661)
Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	73.226.957.750	(63.726.957.750)	75.446.374.849	(63.726.957.750)

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a- DN**Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.4 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	218.358.404.607	(143.155.988.857)	216.121.150.261	(143.155.988.857)
Tạm ứng	3.360.157.769	-	1.531.300.963	-
Ký cược, ký quỹ	235.000.000		335.720.000	
Phải thu khác	214.763.246.838	(143.155.988.857)	214.254.129.298	(143.155.988.857)
<i>Phải thu Công ty Cổ phần Tô Châu tiền vốn và lãi kinh doanh</i>	<i>88.280.243.917</i>	<i>(88.280.243.917)</i>	<i>88.280.243.917</i>	<i>(88.280.243.917)</i>
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>27.689.374.920</i>		<i>27.798.201.920</i>	-
<i>Phải thu CP Lương thực Hậu Giang về việc Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh</i>	<i>28.000.000.000</i>	<i>(28.000.000.000)</i>	<i>28.000.000.000</i>	<i>(28.000.000.000)</i>
<i>Phải thu Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (*)</i>	<i>27.877.394.336</i>		<i>27.877.394.336</i>	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>42.916.233.665</i>	<i>(26.875.744.940)</i>	<i>42.298.289.125</i>	<i>(26.875.744.940)</i>
Dài hạn	1.295.000.000	-	1.295.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.295.000.000	-	1.295.000.000	-
Cộng	219.653.404.607	(143.155.988.857)	217.416.150.261	(143.155.988.857)
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>147.559.406.692</i>	<i>(119.867.082.870)</i>	<i>147.674.161.692</i>	<i>(123.453.921.823)</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(*) Đây là khoản phải thu Kho bạc Nhà nước liên quan tới số tiền Nhà nước tạm ứng cho Tổng Công ty để xây dựng dự án. Số tiền này đang bị phong tỏa do đã hết thời hạn rút vốn, Thuyết minh số 5.20.



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN
Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2026 (VND)			Thời gian quá hạn	01/01/2026 (VND)		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng								
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu. Thương mại Võ Thị Thu Hà	Trên 05 năm	58.768.539.483	(58.768.539.483)	-	Trên 05 năm	58.768.539.483	(58.768.539.483)	-
Công ty Cổ phần Tô Châu	Trên 05 năm	25.815.229.715	(25.815.229.715)	-	Trên 05 năm	25.815.229.715	(25.815.229.715)	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Trên 05 năm	17.298.568.750	(17.298.568.750)	-	Trên 05 năm	17.298.568.750	(17.298.568.750)	-
Công ty TNHH Lương thực V.A.P	Trên 05 năm	10.033.561.582	(10.033.561.582)	-	Trên 05 năm	10.033.561.582	(10.033.561.582)	-
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Trên 05 năm	24.361.723.614	(24.361.723.614)	-	Trên 05 năm	24.361.723.614	(24.361.723.614)	-
Công ty TNHH Univen (S) Pte	Trên 05 năm	12.058.307.500	(12.058.307.500)	-	Trên 05 năm	12.058.307.500	(12.058.307.500)	-
Công ty TNHH MTV Hòa Tân Lộc	Trên 05 năm	2.893.900.125	(2.893.900.125)	-	Trên 05 năm	2.893.900.125	(2.893.900.125)	-
Các khách hàng khác	Trên 05 năm	39.943.513.168	(39.943.513.168)	-	Trên 05 năm	40.008.236.675	(40.008.236.675)	-
Tổng		191.173.343.937	(191.173.343.937)	-		191.238.067.444	(191.238.067.444)	-

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN
Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Nợ xấu và nợ khó đòi (Tiếp theo)

	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng		Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<i>Trả trước cho người bán</i>							
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Trên 05 năm	63.726.957.750	(63.726.957.750)	-	Trên 05 năm	63.726.957.750	(63.726.957.750)
- Trả trước cho người bán		73.226.957.750				73.226.957.750	
- Người mua trả tiền trước		(9.500.000.000)				(9.500.000.000)	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Võ Thị Thu Hà	Trên 05 năm	80.816.416.732	(80.816.416.732)	-	Trên 05 năm	80.816.416.732	(80.816.416.732)
- Trả trước cho người bán		87.991.938.232				87.991.938.232	
- Người mua trả tiền trước		(3.803.625.000)				(3.803.625.000)	
- Phải trả người bán		(1.162.500.000)				(1.162.500.000)	
- Cấn trừ công nợ phải trả Công ty TNHH Đầu tư Bình Lợi		(2.209.396.500)				(2.209.396.500)	
Công ty TNHH MTV Hòa Tân Lộc	Trên 05 năm	77.547.337.612	(77.547.337.612)	-	Trên 05 năm	77.547.337.612	(77.547.337.612)
- Trả trước cho người bán		78.629.955.300				78.629.955.300	
- Phải trả người bán		(1.082.617.688)				(1.082.617.688)	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum	Trên 05 năm	75.320.759.913	(75.320.759.913)	-	Trên 05 năm	75.681.437.313	(75.681.437.313)
Công ty TNHH Đầu tư Bình Lợi	Trên 05 năm	12.709.500.000	(12.709.500.000)	-	Trên 05 năm	12.709.500.000	(12.709.500.000)
Các nhà cung cấp khác	Trên 05 năm	16.210.379.254	(16.210.379.254)	-	Trên 05 năm	16.210.379.254	(16.210.379.254)
Tổng		326.331.351.261	(326.331.351.261)	-		326.692.028.661	(326.692.028.661)

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN
Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Nợ xấu và nợ khó đòi (Tiếp theo)

	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu khác</i>								
Công ty Cổ phần Tô Châu	Trên 05 năm	88.280.243.917	(88.280.243.917)	-	Trên 05 năm	88.280.243.917	(88.280.243.917)	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Trên 05 năm	28.000.000.000	(28.000.000.000)	-	Trên 05 năm	28.000.000.000	(28.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Trên 05 năm	3.586.838.953	(3.586.838.953)	-	Trên 05 năm	3.586.838.953	(3.586.838.953)	-
Doanh nghiệp tư nhân Chữ Tín	Trên 05 năm	5.297.314.070	(5.297.314.070)	-	Trên 05 năm	5.297.314.070	(5.297.314.070)	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hiệp Tài	Trên 05 năm	9.017.732.212	(9.017.732.212)	-	Trên 05 năm	9.017.732.212	(9.017.732.212)	-
Các khách hàng khác	Trên 05 năm	8.973.859.705	(8.973.859.705)	-	Trên 05 năm	8.973.859.705	(8.973.859.705)	-
Tổng		143.155.988.857	(143.155.988.857)	-		143.155.988.857	(143.155.988.857)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý		648.878.585.812	(648.878.585.812)	-		648.878.585.812	(648.878.585.812)	-
Tổng		1.309.539.269.867	(1.309.539.269.867)	-		1.309.964.670.774	(1.309.964.670.774)	-

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho	83.313.922	648.878.585.812	83.313.922	648.878.585.812
Cộng		648.878.585.812		648.878.585.812

(*): Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý theo Báo cáo kết quả kiểm kê đột xuất tại Công ty Lương thực Trà Vinh ngày 22/11/2017 của Tổ kiểm kê đột xuất thành lập theo Quyết định số 145/QĐ-TCT ngày 27/10/2017 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lương thực miền Nam. Khoản tài sản thiếu này đã được Công ty dự phòng tổn thất toàn bộ (xem thuyết minh nợ xấu số 5.5). Vụ việc này đã được Toà án đưa ra xét xử phúc thẩm ngày 24/3/2022, Tòa án Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án số 137/2022/HSPT tuyên án các bị cáo liên quan nghiêm trọng, phải bồi thường cho Công ty Lương thực Trà Vinh 132,9 tỷ đồng. Ngày 06/01/2023, Chi cục thi hành án thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thi hành án số 1456/QĐ-CTHADS Quyết định thi hành án theo yêu cầu liên quan tội tham ô tài sản và cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng phải bồi thường cho Công ty Lương thực Trà Vinh 132,9 tỷ đồng, người thi hành án có trách nhiệm tự nguyện thi hành án trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ Quyết định này.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	34.783.850.488	-	740.324.631	-
Nguyên liệu, vật liệu	476.770.154.062	(1.805.999.655)	219.889.464.704	(1.870.344.262)
Công cụ, dụng cụ	14.169.194.354	-	10.469.604.352	(374.795.423)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.664.520.279	-	3.467.324.595	-
Sản phẩm	524.309.221.393	(163.857.913)	536.218.386.202	(790.810.383)
Hàng hóa	152.931.634.461	-	129.596.193.716	(150.294.082)
Hàng gửi đi bán	222.142.641.051	-	75.790.387.980	-
Cộng	1.429.771.216.088	(1.969.857.568)	976.171.686.180	(3.186.244.150)

(*): Hàng hóa bất động sản là đất và tài sản gắn liền trên đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Gia Lai, được Công ty cổ phần Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum chuyển nhượng cho Công ty Lương thực Vĩnh Long (“Chi nhánh”), Chi nhánh của Tổng Công ty, để cấn trừ một phần công nợ với Chi nhánh trong năm 2015. Chi nhánh đã nhận được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất trong năm 2015. Tại ngày 30/6/2026, toàn bộ hàng hóa bất động sản đang bị phong tỏa cho mục đích điều tra xét xử vụ án giữa Tổng Công ty và Công ty cổ phần Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum liên quan đến khoản phải thu khó đòi (tại Thuyết minh số 5.5). Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty và Chi nhánh vẫn đang tiếp tục theo dõi diễn biến của vụ án.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.8 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	12.644.927.892	10.692.083.028
Chi phí thanh lý nhà số 2 Điện Biên Phủ, Thành Phố Trà Vinh	3.409.253.364	3.409.253.364
Chi phí sửa chữa tài sản	2.404.125.487	3.146.573.386
Công cụ dụng cụ	1.605.855.230	1.065.626.430
Chi phí gia hạn thuê dịch vụ sử dụng thư điện tử	24.149.281	126.234.931
Chi phí bao bì	63.189.842	485.677.097
Chi phí chờ phân bổ khác	5.138.354.688	2.458.717.820
Dài hạn	137.748.015.047	142.759.556.629
Công cụ, dụng cụ	3.542.941.490	2.987.525.574
Chi phí san lấp và giải phóng mặt bằng - CN Thốt Nốt	51.296.354.115	51.296.354.115
Tiền thuê đất Tân Kim	44.231.607.206	44.920.930.952
Đầu tư khu du lịch Long Trị	4.834.618.069	4.908.804.691
Chi phí cải tạo, sửa chữa	8.200.207.621	12.400.926.072
Chi phí tiền đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng kho tại NQA	1.102.155.986	-
Chi phí thuê nhà, thuê kho, thuê đất	18.879.813.668	19.429.087.184
Chi phí chờ phân bổ khác	5.660.316.892	6.815.928.041
Cộng	150.392.942.939	153.451.639.657

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a- DN**Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2026	2.431.734.717.736	1.690.584.851.231	140.952.391.225	44.276.820.409	11.366.579.535	4.318.915.360.136
Tăng trong kỳ	5.051.043.876	2.041.628.000	-	88.888.889	-	7.181.560.765
Mua trong kỳ	-	2.041.628.000	-	88.888.889	-	2.130.516.889
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.051.043.876	-	-	-	-	5.051.043.876
Giảm trong kỳ	-	-	2.599.469.302	-	695.670.000	3.295.139.302
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.599.469.302	-	695.670.000	3.295.139.302
Số dư tại 30/6/2026	2.436.785.761.612	1.692.626.479.231	138.352.921.923	44.365.709.298	10.670.909.535	4.322.801.781.599
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2026	1.493.015.429.682	1.348.056.442.449	133.745.818.817	39.487.036.108	8.261.895.422	3.022.566.622.478
Tăng trong kỳ	24.581.183.690	22.007.468.806	1.569.311.176	520.544.155	111.440.706	48.789.948.533
Khấu hao trong kỳ	24.581.183.690	22.007.468.806	1.569.311.176	520.544.155	111.440.706	48.789.948.533
Giảm trong kỳ	-	-	2.572.553.896	-	695.670.000	3.268.223.896
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.572.553.896	-	695.670.000	3.268.223.896
Số dư tại 30/6/2026	1.517.596.613.372	1.370.063.911.255	132.742.576.097	40.007.580.263	7.677.666.128	3.068.088.347.115
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2026	938.719.288.054	342.528.408.782	7.206.572.408	4.789.784.301	3.104.684.113	1.296.348.737.658
Tại 30/6/2026	919.189.148.240	322.562.567.976	5.610.345.826	4.358.129.035	2.993.243.407	1.254.713.434.484

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2026 là 409.063 triệu đồng (Tại thời điểm ngày 01/01/2026 là 439.708 triệu đồng).

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Kho, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2026	170.851.640.936	6.459.154.866	9.462.055.683	186.772.851.485
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	1.297.886.147	101.181.110	1.399.067.257
Thanh lý, nhượng bán	-	1.297.886.147	101.181.110	1.399.067.257
Số dư tại 30/6/2026	170.851.640.936	5.161.268.719	9.360.874.573	185.373.784.228
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2026	30.562.775.165	6.288.550.488	8.740.015.694	45.591.341.347
Tăng trong kỳ	1.558.963.836	4.048.866	32.087.964	1.595.100.666
Khấu hao trong kỳ	1.558.963.836	4.048.866	32.087.964	1.595.100.666
Giảm trong kỳ	-	1.297.886.147	101.181.110	1.399.067.257
Thanh lý, nhượng bán	-	1.297.886.147	101.181.110	1.399.067.257
Số dư tại 30/6/2026	32.121.739.001	4.994.713.207	8.670.922.548	45.787.374.756
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2026	140.288.865.771	170.604.378	722.039.989	141.181.510.138
Tại 30/6/2026	138.729.901.935	166.555.512	689.952.025	139.586.409.472

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2026 là 21.061 triệu đồng (Tại thời điểm ngày 01/01/2026 là 22.461 triệu đồng).

5.11 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư				
Nguyên giá	31.302.629.053	-	-	31.302.629.053
- Quyền sử dụng đất	14.831.868.000	-	-	14.831.868.000
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.470.761.053	-	-	16.470.761.053
Giá trị hao mòn lũy kế	12.152.895.231	192.415.080	-	12.345.310.311
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà cửa, vật kiến trúc	12.152.895.231	192.415.080	-	12.345.310.311
Giá trị còn lại	19.149.733.822	(192.415.080)	-	18.957.318.742
- Quyền sử dụng đất	14.831.868.000	-	-	14.831.868.000
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.317.865.822	(192.415.080)	-	4.125.450.742

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Tổng Công ty do chưa có nhu cầu chuyển đổi hay thanh lý bất động sản đầu tư đó.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Kho, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.12 Tài sản tạm ghi theo phương án cổ phần hóa

Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty có cơ sở nhà đất chưa thống nhất phương án sử dụng đất, còn có ý kiến khác nhau giữa Tổng Công ty, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), chi tiết như sau:

Địa chỉ cơ sở nhà, đất	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình				
- Nhà số 142X đường Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hội, TP. Hồ Chí Minh	865.962.631	243.412.642	865.962.631	243.412.642
- Nhà số 117 đường Bà Hom, phường Phú Lâm, TP. Hồ Chí Minh	500.956.126	72.529.588	500.956.126	72.529.588
Bất động sản đầu tư				
- Nhà số 2 đường số 4, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	8.707.095.668	5.023.562.892	8.707.095.668	5.023.562.892
Tài sản cố định vô hình				
- Lô đất 289 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, TP. Hồ Chí Minh (*)	39.584.880.000	39.584.880.000	39.584.880.000	39.584.880.000

(*): Quyền sử dụng đất liên quan đến đất số 289 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh được Nhà nước giao sử dụng, thu tiền hàng năm nhưng chưa được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất 39.585 triệu VND được ghi nhận theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 03 tháng 3 năm 2017, là số ước tính Tổng Công ty phải trả Ngân sách Nhà nước để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, Thuyết minh số 5.20.

Các cơ sở nhà đất trên đã được Tổng Công ty công khai tại bản công bố thông tin khi bán đấu giá cổ phần ra công chúng và đã tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu. Do vậy, Tổng Công ty đã có Văn bản số 1638/TCT-KT-XDCB ngày 25/9/2018 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đảm bảo tuân thủ chế độ quy định và thống nhất với các cơ quan chức năng về Phương án sắp xếp cơ sở nhà, đất theo quy định. Tại báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của các cơ quan ban ngành về vấn đề này.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Kho trung tâm Khánh Hưng (*)	5.457.758.801	5.457.758.801	5.457.758.801	5.457.758.801
Mua sắm TSCĐ	447.112.800	447.112.800	447.112.800	447.112.800
Sửa chữa lớn TSCĐ	61.060.606	61.060.606	2.209.817.919	2.209.817.919
Nhà máy chế biến thủy sản	1.991.303.234	1.991.303.234	1.991.303.234	1.991.303.234
Chi phí nâng cấp phần mềm kế toán	-	-	168.000.000	168.000.000
Hệ thống xử lý nước, lò hơi 8m3/h	-	-	164.000.000	164.000.000
Cộng	7.957.235.441	7.957.235.441	10.437.992.754	10.437.992.754

(*): Dự án Kho Lương thực Khánh Hưng đang tạm dừng theo Tờ trình số 1394/TT.LTLA.ĐTKT ngày 30/10/2018 và đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt ngày 07/5/2019. Ngày 31/5/2021, Công ty Lương thực Long An, một chi nhánh của Tổng Công ty tiếp tục có Tờ trình số 405/CV.LTLA.ĐTKT xin gia hạn thời gian thực hiện dự án nhưng chưa nhận được phản hồi từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a- DN**Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			948.495.140.276		(323.529.483.410)	948.495.140.276		(323.529.483.410)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	51%	51%	33.029.591.929		(33.029.591.929)	33.029.591.929		(33.029.591.929)
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	66,27%	66,27%	47.786.267.013		(34.251.045.194)	47.786.267.013		(34.251.045.194)
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco (*)	51,30%	51,30%	208.306.301.000		-	208.306.301.000		-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	60,00%	60,00%	2.142.000.000		-	2.142.000.000		-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	62,05%	62,05%	40.956.000.000		(40.956.000.000)	40.956.000.000		(40.956.000.000)
Công ty Cổ phần Tô Châu	65,40%	65,40%	65.400.000.000		(65.400.000.000)	65.400.000.000		(65.400.000.000)
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	51,00%	51,00%	69.345.300.334		-	69.345.300.334		-
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang (**)	53,28%	53,28%	28.771.200.000		(28.771.200.000)	28.771.200.000		(28.771.200.000)
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	60,00%	60,00%	83.301.480.000		-	83.301.480.000		-
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	51,00%	51,00%	5.100.000.000		(5.100.000.000)	5.100.000.000		(5.100.000.000)
Công ty CP Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	59,78%	59,78%	152.509.000.000		(116.021.646.287)	152.509.000.000		(116.021.646.287)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	83,31%	83,31%	211.848.000.000		-	211.848.000.000		-

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			128.076.362.236		(87.512.188.023)	128.076.362.236		(87.512.188.023)
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	30,72%	30,72%	29.752.174.213		-	29.752.174.213		-
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	40,00%	40,00%	7.654.400.000		(7.654.400.000)	7.654.400.000		(7.654.400.000)
Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	30,00%	30,00%	22.500.000.000		(22.500.000.000)	22.500.000.000		(22.500.000.000)
Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam	37,00%	37,00%	57.357.788.023		(57.357.788.023)	57.357.788.023		(57.357.788.023)
Cơ sở nuôi cá ở khóm Long Trị	60,00%	60,00%	10.812.000.000		-	10.812.000.000		-
Đầu tư vào đơn vị khác			104.494.843.499		(42.575.231.851)	104.494.843.499		(42.575.231.851)
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	12,27%	12,27%	27.469.130.000		(8.115.077.901)	27.469.130.000		(8.115.077.901)
Công ty Cổ phần Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	15,87%	15,87%	2.138.145.362		(2.081.334.941)	2.138.145.362		(2.081.334.941)
Công ty Cổ phần Bột mì Bình An	19,92%	19,92%	23.903.329.999		(23.903.329.999)	23.903.329.999		(23.903.329.999)
Công ty Cổ phần Bao bì Bình Tây	11,18%	11,18%	6.176.238.338		-	6.176.238.338		-
Công ty Cổ phần Bến Thành - Mũi Né	17,81%	17,81%	27.676.125.799		(8.475.489.010)	27.676.125.799		(8.475.489.010)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	4,89%	4,89%	17.131.874.001		-	17.131.874.001		-
Tổng			1.181.066.346.011	(i)	(453.616.903.284)	1.181.066.346.011	(i)	(453.616.903.284)

(i) Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*): Năm 2021, Tổng Công ty có được chia cổ tức bằng cổ phiếu là 324.948 cổ phiếu và nhận cổ phiếu thưởng là 771.751 cổ phiếu; Năm 2022 Tổng Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu là 515.855 cổ phiếu.

(**): Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang, đã thực hiện phá sản theo tuyên bố phá sản số 01/2020/QĐPS-TA ngày 22/9/2020 của Tòa Án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	83.085.689.671	43.468.939.377
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	31.642.964.890	8.046.877.932
Val Win Trading	161.796.645	823.155.688
Đối tượng khác	51.280.928.136	34.598.905.757
Cộng	83.085.689.671	43.468.939.377
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>7.528.365.309</i>	<i>3.021.491.592</i>

5.16 Người mua ứng trả tiền trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	216.771.716.149	108.608.284.671
FNJ Investment Limited	15.505.292.619	15.505.292.619
NEW EASTERN (1971) PTE LTD	1.490.162.183	3.554.340.014
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	9.500.000.000	9.500.000.000
Công ty TNHH XNK Thương mại Võ Thị Thu Hà	3.803.625.000	3.803.625.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Vimex	18.334.614.720	4.361.260.000
Công ty CP Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket	4.437.698.000	4.010.108.000
Công ty TNHH TM DV Nghĩa Vinh SĐ	3.047.250.000	-
Đối tượng khác	160.653.073.627	67.873.659.038
Cộng	216.771.716.149	108.608.284.671
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>19.985.646.451</i>	<i>19.749.278.088</i>

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2026 VND
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.818.920.253	44.093.303.000	26.890.675.998	19.021.547.255
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.818.920.253</i>	<i>44.093.303.000</i>	<i>26.890.675.998</i>	<i>19.021.547.255</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.020.057.447	3.553.146.533	4.457.459.023	115.744.957
Thuế thu nhập cá nhân	750.218.686	664.177.490	1.403.753.733	10.642.443
Thuế tài nguyên	41.618.120	276.714.224	272.532.544	45.799.800
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	37.644.228.583	18.802.554.528	18.841.674.055
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	7.026.000	137.215.463	136.555.463	7.686.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.817.820.707	1.817.820.707	-
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7.997.693.127	3.869.104.685	2.027.416.433	6.156.004.875
<i>Ngắn hạn</i>	<i>7.997.693.127</i>	<i>3.869.104.685</i>	<i>2.027.416.433</i>	<i>6.156.004.875</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.656.772.447	-	-	3.656.772.447
Thuế thu nhập cá nhân	299.795.090	245.947.657	271.616.578	325.464.011
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.814.390.763	3.556.217.881	-	258.172.882
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	226.734.827	66.939.147	1.755.799.855	1.915.595.535

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	73.692.709.892	17.505.538.127
Lãi vay	3.932.121.362	2.841.513.114
Chi phí hàng xuất khẩu	14.823.977.656	2.381.495.919
Chi phí vận chuyển, hạ rộng lô lúa	-	123.209.000
Chi phí tiền đồng phục	1.744.000.000	-
Chi phí chiết khấu thương mại, CK thanh toán	911.889.500	2.189.536.000
Chi phí phải trả khác	52.280.721.374	9.969.784.094
Cộng	73.692.709.892	17.505.538.127

5.19 Doanh thu chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	12.060.900.797	12.051.309.888
Doanh thu nhà số 2 Điện Biên Phủ, Thành phố	11.760.421.000	11.760.421.000
Trà Vinh (*)		
Các khoản doanh thu chờ phân bổ khác	300.479.797	290.888.888
Dài hạn	5.525.434.409	5.026.479.040
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	5.525.434.409	5.026.479.040
Cộng	17.586.335.206	17.077.788.928

(*): Đây là khoản doanh thu từ việc bán căn nhà số 2 Điện Biên Phủ, phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long. Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng Bất động sản này cho một bên thứ 3 trong năm 2015 và đã thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Tổng Công ty chưa thực hiện việc ghi nhận doanh thu liên quan vì chưa xác định được bất động sản nói trên có thuộc sở hữu của Nhà nước giao cho cơ quan đơn vị, tổ chức quản lý hay không. Giá vốn và chi phí liên quan đến việc bán bất động sản này được ghi nhận trong chi phí trả trước (Thuyết minh số 5.8). Tổng Công ty đã có công văn đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xem xét và cho ý kiến về nội dung này. Tại ngày lập Báo cáo này, Tổng Công ty chưa nhận được phản hồi từ các cơ quan ban ngành về vấn đề này.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	84.375.134.505	83.258.610.563
Kinh phí công đoàn	1.315.993.420	1.546.031.435
Bảo hiểm xã hội	369.702.485	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.470.480.000	1.899.129.325
Các khoản phải trả, phải nộp khác	80.218.958.600	79.813.449.803
<i>Tiền chuyển quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>39.584.880.000</i>	<i>39.584.880.000</i>
<i>Phải trả khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước (**)</i>	<i>27.877.394.336</i>	<i>27.877.394.336</i>
<i>Phải trả Bộ tài chính các khoản phải thu từ xử lý Nhà đất</i>	<i>1.745.269.082</i>	<i>1.745.269.082</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>11.011.415.182</i>	<i>10.605.906.385</i>
Dài hạn	6.837.400.000	683.187.978.874
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.837.400.000	7.558.280.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	675.629.698.874
<i>Phải trả liên quan đến hàng viện trợ Cu Ba do Chính phủ Việt Nam hỗ trợ (***)</i>	<i>-</i>	<i>675.629.698.874</i>
Cộng	91.212.534.505	766.446.589.437

(*): Đây là khoản tiền ước tính Tổng Công ty phải trả Ngân sách Nhà nước để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến đất tại số 289 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 5.12).

(**): Đây là khoản phải trả liên quan đến khoản Nhà nước tạm ứng để xây dựng dự án nhưng đã qua thời hạn rút vốn (Thuyết minh số 5.4).

(***): Trong kỳ, Tổng công ty đã thực hiện xóa nợ theo Văn bản số 5934/BTC-QLN ngày 11/5/2026 của Bộ Tài chính về việc xử lý khoản công nợ tồn đọng của Hợp đồng bàn giao cho Cuba giai đoạn 1993-1996 với nội dung: “.....theo Hiệp định xóa nợ thì giá trị khoản công nợ của đối tác CuBa với Vinafood 2 trong các hợp đồng xuất khẩu gạo được ký kết đã được Chính phủ Việt Nam đồng ý xóa toàn bộ công nợ. Bộ Tài chính thông báo để Vinafood 2 được biết và triển khai Hiệp định”

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.21 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2026 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.913.050.195.060	1.913.050.195.060	3.369.449.456.124	3.429.956.907.560	1.973.557.646.496	1.973.557.646.496
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (1)						
- VND	31.511.976.590	31.511.976.590	58.371.454.240	49.511.915.150	22.652.437.500	22.652.437.500
- USD	-	-	142.928.112.622	142.928.112.622	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -CN Hồ Chí Minh (2)						
- VND	-	-	79.796.695.084	912.293.325.216	832.496.630.132	832.496.630.132
- USD	92.725.809.901	92.725.809.901	92.725.809.901	60.907.152.593	60.907.152.593	60.907.152.593
Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (3)						-
- VND	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	1.318.850.000	1.318.850.000	1.318.850.000
- USD	104.774.621.270	104.774.621.270	583.889.316.786	482.332.689.516	3.217.994.000	3.217.994.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (4)						
- VND	479.963.259.726	479.963.259.726	830.677.611.969	792.486.972.083	441.772.619.840	441.772.619.840
- USD	-	-			-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn (5)						
- VND	162.526.963.036	162.526.963.036	215.299.682.831	514.355.082.226	461.582.362.431	461.582.362.431
- USD	787.082.683.987	787.082.683.987	1.008.905.598.412	221.822.914.425	-	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Hội Sở						
- VND	-	-	77.733.729	77.733.729	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam (VND) (6)	50.000.000.000	50.000.000.000	70.000.000.000	43.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (7)						
- USD	91.540.680.550	91.540.680.550	99.694.440.550	8.153.760.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tân Long An (8)						
- VND	97.924.200.000	97.924.200.000	172.083.000.000	200.768.400.000	126.609.600.000	126.609.600.000
Tổng	1.913.050.195.060	1.913.050.195.060	3.369.449.456.124	3.429.956.907.560	1.973.557.646.496	1.973.557.646.496

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.21 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng giữa Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) theo HĐ số 341704.25.110.262041.TD ngày 04/12/2025. Hạn mức tín dụng: 900.000.000.000 đồng. Mục đích: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lúa gạo của Khách hàng. Lãi suất: quy định trên từng hợp đồng/KUNN cụ thể. Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến hết 30/9/2026. Biện pháp đảm bảo: Quyền đòi nợ phát sinh từ bộ chứng từ xuất khẩu.
- (2) Hợp đồng tín dụng giữa Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo HĐ số 35/98531/26-DN2/N-CTD ngày 24/04/2026. Hạn mức tín dụng của hợp đồng: 1.500.000.000.000 đồng; giới hạn cấp tín dụng trung dài hạn: 300.000.000.000 VND. Mục đích: Mục đích sử dụng một, một số hoặc tất cả các khoản cấp tín dụng được quy định cụ thể trong các hợp đồng. Thời gian hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng : kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực cho đến hết ngày 24/4/2027. Biện pháp đảm bảo: cấp tín dụng không có biện pháp đảm bảo. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C.
- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh theo HĐ 45291/24MN/HĐTD ngày 07/02/2025. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 600.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh lúa gạo, lúa mì, bột mì, lương thực thực phẩm, Phát hành bảo lãnh phục vụ phương án sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, mở L/C nhập khẩu lúa mì (mục đích chi tiết nêu trong từng khế ước nhận nợ). Thời hạn cấp hạn mức: là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 07/02/2028, thời gian đánh giá lại HMTD là 12 tháng. Lãi suất: được quy định riêng trong từng hợp đồng/KUNN. Biện pháp đảm bảo: cấp tín dụng không có biện pháp bảo đảm.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo HĐ số 112-00060841.05287/2026/HDTDHM ngày 03/04/2026. Hạn mức tín dụng trong hợp đồng này là tổng dư nợ và số dư tối đa của các khoản vay, phát hành tín thư (L/C), chiết khấu, bảo lãnh hoặc các tín dụng khác mà MSB cấp là 2.000.000.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh gạo. Lãi suất: Quy định trên hợp đồng cụ thể. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Biện pháp đảm bảo: cấp tín dụng không có biện pháp bảo đảm.
- (5) Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Sài Gòn theo HĐ số 01/2025/1176761/HĐTD ngày 12/8/2025. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: quy định trên hợp đồng cụ thể. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 12/8/2025.

Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 02/2025/1176761/HĐTDM ngày 5/12/2025 với tổng số tiền là 8.800.000.000 đồng. Mục đích vay: cho vay thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ (bao gồm cho vay bù đắp tài chính) để thực hiện đầu tư tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: quy định trên hợp đồng cụ thể. Thời hạn vay: 60 tháng.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.21 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (6) Hợp đồng tín dụng số HCM/RC/FBEP-AP/09/099 ngày 05/01/2010 và phụ lục ngày 14/8/2024, phụ lục ngày 23/4/2025 và phụ lục 01/8/2025 giữa Công ty lương thực Long An và Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh . Hạn mức vay: 3.000.000 USD. Mục đích: Tài trợ thanh toán trong nước, bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng theo Phụ lục thư đề nghị tín dụng được gia hạn đến kỳ kiểm tra định kỳ kế tiếp vào ngày 31/12/2026. Lãi suất vay: theo quy định từng thời kỳ.
- (7) Hợp đồng cho vay số REF2601680786/HĐCV ngày 11/3/2026 giữa ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Tiền Giang và Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ phần. Hạn mức tín dụng: 300 tỷ đồng. Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng.
- (8) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/1176761/HĐTD ngày 14/08/2025 giữa Công ty Lương thực Long An và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Long An. Hạn mức cấp tín dụng: 200.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 14/8/2026. Lãi suất vay: Lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a- DN**Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.22 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2025	5.000.000.000.000	231.825.797.290	(2.641.548.688.028)	2.590.277.109.262
Lãi trong năm trước	-	-	5.517.033.777	5.517.033.777
Số dư tại 01/01/2026	5.000.000.000.000	231.825.797.290	(2.636.031.654.251)	2.595.794.143.039
Lãi trong kỳ này	-	-	3.941.409.180	3.941.409.180
Số dư tại 30/6/2026	5.000.000.000.000	231.825.797.290	(2.632.090.245.071)	2.599.735.552.219

(*) Căn cứ theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, Tổng Công ty sau khi cổ phần hóa sẽ có vốn điều lệ là 5.000 tỷ đồng bắt đầu từ ngày 09/10/2018. Tại thời điểm ngày 09/10/2018, trong khi chờ các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty tạm ghi nhận phần chênh lệch 231.826 triệu đồng giữa số vốn Nhà nước thực tế và vốn điều lệ của Công ty cổ phần và khoản mục Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu để chờ quyết toán và xử lý theo báo cáo quyết toán cổ phần hóa được duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Vốn góp của Nhà nước (Bộ Tài Chính)	2.571.293.000.000	2.571.293.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	1.178.707.000.000	1.178.707.000.000
Tổng	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	500.000.000	500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	500.000.000	500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	500.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.23 Các khoản mục ngoài Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

a. Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		01/01/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	16.610.418,04	436.626.703.790	4.418.915,08	115.323.758.733
EUR	112,48	3.472.446	603,69	18.563.468
Cộng		436.630.176.236		115.342.322.201

b. Hàng hoá giữ hộ

	Đơn vị tính	30/06/2026	01/01/2026
Bột mì	Kg	1.577	222.240
Tổng		1.577	222.240

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng	4.966.144.303.993	6.024.009.548.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.740.301.769	71.464.254.083
Doanh thu khác	-	3.923.873.104
Cộng	5.043.884.605.762	6.099.397.676.046

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại	6.554.352.000	3.557.062.000
Khoản giảm giá hàng bán	-	45.215.547
Khoản doanh thu hàng bán bị trả lại	-	138.960.000
Cộng	6.554.352.000	3.741.237.547

Doanh thu thuần

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	4.959.589.951.993	6.020.268.311.312
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.740.301.769	71.464.254.083
Doanh thu khác	-	3.923.873.104
Cộng	5.037.330.253.762	6.095.656.438.499

Trong đó:

Doanh thu từ các bên liên quan	240.427.234.484	230.587.346.356
---------------------------------------	------------------------	------------------------

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hàng hóa, thành phẩm đã bán	4.671.845.148.578	5.529.752.989.696
Dịch vụ đã cung cấp	53.350.822.199	34.219.241.004
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.216.386.582)	(6.666.225.663)
Giá vốn khác		1.614.060.178
Cộng	4.723.979.584.195	5.558.920.065.215

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.718.455.486	1.099.512.171
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.374.865.000	30.040.205.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.243.739.526	31.503.711.433
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.078.090.030	21.485.053
Cộng	59.415.150.042	62.664.913.657

Trong đó:

Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan:
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

33.374.865.000 30.040.205.000

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	51.252.728.480	46.681.124.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.400.767.617	44.285.133.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.538.633.251	17.926.304.509
Chi phí tài chính khác	147.200	115.200
Cộng	56.192.276.548	108.892.678.272

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	187.087.397.574	359.509.606.694
Chi phí nhân viên	12.101.588.364	12.899.616.404
Chi phí vật liệu, bao bì	14.237.971.359	13.235.850.179
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	1.331.227.771	1.009.622.796
Chi phí khấu hao TSCĐ	749.052.488	860.824.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.333.391.631	318.031.167.804
Chi phí bằng tiền khác	16.334.165.961	13.472.525.451
Chi phí quản lý doanh nghiệp	126.398.932.588	130.224.746.386
Chi phí nhân viên quản lý	30.610.741.266	43.522.564.250
Chi phí vật liệu quản lý	216.441.235	375.001.135
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.576.086.941	1.445.715.529
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.832.911.449	18.337.390.276
Thuế phí và lệ phí	44.371.185.015	34.959.447.446
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(425.400.907)	(4.558.609.281)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.995.588.562	13.067.377.108
Các khoản chi phí quản lý khác	19.221.379.027	23.075.859.923
Cộng	313.486.330.162	489.734.353.080

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý bao phế thải, phế liệu, CCDC	26.571.789	202.883.633
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	463.220.909	112.272.727
Các khoản do Vinamilk CN Cần Thơ hỗ trợ	1.163.406.562	1.860.933.773
Thu tiền bồi thường tổn thất hàng hóa	469.178.820	-
Thưởng chỉ tiêu sản lượng, hỗ trợ bán hàng của khách hàng	335.173.441	-
Thu nhập khác	228.326.661	1.132.859.019
Cộng	2.685.878.182	3.308.949.152
Chi phí khác		
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý	56.914.627	55.322.779
Chi phí thuê đất Tân Kim	689.323.746	689.323.752
Chi phí khác	1.085.443.528	689.333.613
Cộng	1.831.681.901	1.433.980.144
Lợi nhuận khác	854.196.281	1.874.969.008

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.941.409.180	2.649.224.597
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(11.389.482.371)	(14.652.606.663)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	22.993.043.428	16.753.074.805
Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	22.993.043.428	16.753.074.805
+ Các khoản điều chỉnh giảm	34.382.525.799	31.405.681.468
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.374.865.000	30.040.205.000
Chênh lệch tỷ giá của tiền gửi cuối kỳ	1.007.660.799	1.365.476.468
Tổng thu nhập tính thuế	(7.448.073.191)	(12.003.382.066)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.093.042.684.457	7.974.609.770.310
Chi phí nhân công	82.109.552.165	89.751.291.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.577.464.279	49.922.461.807
Chi phí dự phòng	(425.400.907)	(4.558.609.281)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	309.133.069.471	403.113.411.679
Chi phí khác bằng tiền	71.615.751.401	92.440.185.464
Cộng	5.606.053.120.866	8.605.278.511.701

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông chiến lược
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con
Công ty Cổ phần Tô Châu	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	1.060.763.200	790.930.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương, thưởng	874.279.400	953.040.000

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong đó:

Lương, Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
Ông Nguyễn Huy Hưng	Chủ tịch	Lương	244.032.000	239.030.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Phó Chủ tịch	Lương	218.140.800	188.580.000
Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên (Thôi kiêm nhiệm Người phụ trách kiểm toán nội bộ từ ngày 04/07/2024)	Lương	218.140.800	188.580.000
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/02/2024; Miễn nhiệm ngày 30/01/2026)	Lương	36.356.800	-
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	Thù lao	60.000.000	-

Lương, Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Trưởng Ban Kiểm soát	Lương	224.092.800	174.740.000
Ông Đào Trọng Hải	Thành viên	Thù lao	30.000.000	-
Bà Mẫn Thị Nga	Thành viên	Thù lao	30.000.000	-

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
Ông Trần Tấn Đức	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/02/2024; Miễn nhiệm ngày 09/12/2025); Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/02/2024; Miễn nhiệm ngày 30/01/2026)	Lương	-	214.040.000
Ông Nguyễn Văn Hiền	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/4/2026); Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Bổ nhiệm ngày 07/01/2026, Miễn nhiệm ngày 28/4/2026)	Lương	229.677.800	188.580.000
Ông Bạch Ngọc Văn	Phó Tổng Giám đốc	Lương	218.140.800	188.580.000
Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Tổng Giám đốc	Lương	218.140.800	188.580.000
Ông Nguyễn Vương Quốc	Kế toán trưởng	Lương	208.320.000	173.260.000

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng		172.275.577.634	77.103.560.479
Công ty Cổ phần Tô Châu	Công ty con	25.815.229.715	25.815.229.715
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	24.361.723.614	24.361.723.614
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con	17.298.568.750	17.298.568.750
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con	1.318.163.200	1.318.163.200
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	17.328.501.623	4.704.000.000
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết	2.566.824.622	3.605.875.200
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Công ty con	83.586.566.110	-
Người mua trả tiền trước		19.985.646.451	19.749.278.088
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con	9.500.000.000	9.500.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con	43.340.000	66.170.088
Công ty Cổ Phần Lương thực Bình Định	Công ty con	2.366.332.065	6.173.000.000
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	3.638.276.386	-
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết	4.437.698.000	4.010.108.000
Phải thu khác		147.559.406.692	147.674.161.692
Công ty Cổ phần Tô Châu	Công ty con	88.280.243.917	88.280.243.917
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	27.689.374.920	27.798.201.920
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con	28.000.000.000	28.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Công ty con	2.948.902	8.876.902
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Công ty con	3.586.838.953	3.586.838.953
Phải trả người bán		7.528.365.309	3.021.491.592
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Công ty con	268.997.976	1.158.174.234
Công ty Cổ Phần Lương thực Bình Định	Công ty con	-	1.060.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con	1.947.520.314	647.917.358
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Lương Thực	Công ty con	-	155.400.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	5.231.126.230	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con	80.720.789	-
Trả trước cho người bán		73.226.957.750	75.446.374.849
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con	73.226.957.750	73.226.957.750
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	-	2.219.417.099

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Các giao dịch bán hàng			240.427.234.484	230.587.346.356
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con	Bán hàng	160.288.890	3.763.888
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con	Bán hàng	114.695.075.000	124.572.860.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	Bán hàng	6.063.372.789	77.560.921.652
Công ty Cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực thực phẩm	Công ty con	Bán hàng	93.873.872.015	709.607.554
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	Bán hàng	4.012.146.297	15.628.704
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	Công ty con	Bán hàng	3.194.444	6.640.044.444
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực	Công ty con	Bán hàng	4.513.888	3.069.444
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết	Bán hàng	21.614.771.161	21.081.450.170
Các giao dịch mua hàng			206.652.659.206	66.294.290.772
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con	Mua hàng	4.894.736.240	19.356.123.550
Công ty Cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực thực phẩm	Công ty con	Mua hàng	4.002.742.505	8.173.237.407
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (UT)	Công ty con	Mua hàng	121.284.112.284	32.210.657.857
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (HH)	Công ty con	Mua hàng	72.117.252.641	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực	Công ty con	Mua hàng	281.273.036	95.871.958
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con	Mua hàng	23.542.500	6.458.400.000
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	Mua hàng	4.025.000.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	Công ty con	Mua hàng	24.000.000	-
Cổ tức			33.374.865.000	30.040.205.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	Cổ tức	8.897.616.000	3.707.340.000
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con	Cổ tức	1.734.000.000	1.672.800.000
Công ty Cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực thực phẩm	Công ty con	Cổ tức	4.203.420.000	4.203.736.000
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	Công ty con	Cổ tức	18.539.829.000	18.539.829.000
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết	Cổ tức	-	1.916.500.000
Giao dịch khác			558.312.925	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	Chi phí ủy thác	558.312.925	-

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Bảo Anh



Nguyễn Vương Quốc



Nguyễn Văn Hiến

